

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7- ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2026/DS-ST

Ngày: 16-01-2026.

“V/v tranh chấp dân sự về thừa kế
và thực hiện nghĩa vụ do người
chết để lại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai;

Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phan Bích Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 7- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-DS, ngày 05/10/2022, về “Tranh chấp dân sự về chia thừa kế và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-DS, ngày 08/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 430/2025/QĐST-DS ngày 24/12/2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị TrA - sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: A ấp Tân L, xã L, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị Trăm A là: Ông Cao Minh T - Sinh năm: 19xx. Địa chỉ: B khóm S, phường S, tỉnh Đ (có mặt)

2. Bị đơn:

- Nguyễn Văn L - sinh năm: 1959 (chết).

Địa chỉ: C ấp Tân B, xã L, tỉnh Đ.

- Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 19xx (có mặt)

Địa chỉ: C ấp Tân B, xã L, tỉnh Đ.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn L là:

Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 19xx (có mặt)

Địa chỉ: C ấp Tân B, xã L, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị Thanh H - *sinh năm*: 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: D ấp Tân B, xã L, tỉnh Đ.

- Công ty Xây lắp và vật liệu xây dựng tỉnh Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: E Tôn Đ, Phường C, tỉnh Đ.

- Ngô Thị N - *sinh năm*: 19xx (Chết)

Địa chỉ: ấp Bến L, xã B, tỉnh T.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngô Thị N là:

Bà Ngô Thị S - *Sinh năm*: 19xx. *Địa chỉ*: ấp B, xã B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Ngô Thị S là: Ông Mai Hùng P, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: A1 Nguyễn Thị H, khu phố B, phường L, tỉnh T

Bà Nguyễn Thị C, *sin năm* 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: 2H Lý C, Phường B1, Quận C1, thành phố H.

- Huỳnh Lê Hồng L - *Sinh năm*: 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: D1 Nguyễn T, Phường E1, Quận E2, thành phố H.

- Phạm Đức T (Kim N) - *Sinh năm*: 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: A2 đường AC, Phường B2, quận T, thành phố H.

- Phạm Hữu N (Nghĩa T) - *sinh năm*: 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: C2 Nguyễn H, phường T, quận T, thành phố H.

- Nguyễn Ngọc H (Hạnh D) - *sinh năm*: 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: D2 Trung M, xã Trung C, Huyện H, thành phố H.

- Sạp Năm V (H) (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu trung tâm thương mại chợ M, Phường L, tỉnh A.

- Sạp Năm V (T) (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu trung tâm thương mại chợ Mỹ X, Phường L, tỉnh A.

- Thúy L Sạp Y khu C]. *Địa chỉ*: E2 Tân T (Chợ T), Phường A3, quận Tân B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Phan Thị TrA là ông Cao Minh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ng T mẹ ruột của Phan Thị TrA chết ngày 21/12/2012 bà T có hai người con tên Phan Thị TrA và Nguyễn Thị Thanh T, cha ruột TrA là ông Phan H L đã chết cách nay trên 30 năm, cha mẹ bà T đã chết, bà T sống chung

với ông Nguyễn Văn L không có đăng ký kết hôn sinh ra con chung là Nguyễn Thị Thanh T. Ông L chết năm 2019 và hàng thừa kế thứ nhất của ông L hiện nay có Nguyễn Thị Thanh T, cha mẹ ông L đều đã chết. Bà T và ông L chết để lại các tài sản như sau: Căn nhà cấp 4 một trệt hai lầu nằm trên thửa đất số 236 tờ bản đồ số 55 có diện tích theo đo đạc thực tế là 72m² thể hiện từ các mốc M1-M2-M3-M4 theo sơ đồ đo đạc số TĐ 96-2016 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung ngày 09/8/2016 (Nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVI) do ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị Nguyệt T đứng tên quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn. Thửa đất số 103 tờ bản đồ số 58 đo đạc thực tế có diện tích là 158,7m² được thể hiện từ các mốc M1-M2-M3-M4 theo sơ đồ đo đạc số TĐ 97-2016 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung ngày 09/8/2016 (Nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVI), trên đất có cây trồng Nhãn, dừa, xoài. Nay hàng thừa kế của ông L bà T còn lại chỉ có Phan Thị TrA và Nguyễn Thị Thanh T nên Phan Thị TrA thống nhất chia thừa kế như sau: Phan Thị TrA sẽ hưởng thừa đất số 103 tờ bản đồ số 58 hiện từ các mốc M1-M2-M3-M4 theo sơ đồ đo đạc số TĐ 97-2016 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung ngày 09/8/2016 (Nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVI) do bà Nguyễn Thị Nguyệt T đứng tên quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất ở nông thôn là 140m² và đất ở 18,7m² cây lâu năm là tài sản cá nhân của bà T và cây trồng có trên đất như Nhãn, xoài, mít, dừa. Hiện nhà và thửa đất số 236 tờ bản đồ số 55 do Nguyễn Thị Thanh T quản lý sử dụng còn thửa đất 103 tờ bản đồ số 58 đất và cây trồng có trên đất còn Nguyễn Thị Thanh T sẽ hưởng căn nhà cấp 4 một trệt hai lầu nằm trên thửa đất số 236 tờ bản đồ số 55, không ai phải trả giá trị cho ai.

Đối với khoản nợ 100.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Huỳnh Lê Hồng L, bà L chỉ yêu cầu bà Thanh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Bà TrA và bà Thanh T thống nhất để bà Thanh T thanh toán cho bà Huỳnh Lê Hồng L số tiền 100.000.000 đồng là khoản nợ vay trước đây của ông L.

Đối với các khoản nợ do ông L trình bày, gồm: nợ bà Nguyễn Thị Cẩm V; Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng tỉnh Đ; bà Nguyễn Thị T (cô H); ông Phạm Đức T (Kim N); ông Phạm Hữu N (Nghĩa T); bà Nguyễn Ngọc H (Hạnh D); Sạp Năm V (H; Sạp Năm V (T) và bà Thúy L: do ông L đã chết, hiện bà Thanh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản nợ này. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Cẩm V và Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng tỉnh Đ xác định không có yêu cầu gì trong vụ án; bà TrA cũng không có yêu cầu đối với các cá nhân, tổ chức nêu trên.

Phan Thị TrA thống nhất lấy kết quả đo đạc vào ngày 9/8/2016 và định giá ngày 15/7/2016 để làm cơ sở giải quyết vụ án không yêu cầu đo đạc và định giá lại tài sản. TrA tự nguyện chịu chi phí thẩm định đo đạc và định giá, chi phí này đã nộp và chi xong, TrA không yêu cầu Thanh T phải hoàn trả lại.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông L đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Thanh T xác định lời trình bày của nguyên đơn

Phan Thị TrA là đúng sự thật. Chị T là con ruột của bà Nguyễn Thị Nguyệt T và ông Nguyễn Văn L. Ông L và bà T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, có một người con chung là chị Thảo. Cha ruột của nguyên đơn là ông Phan Hùng L đã chết từ lâu. Hiện nay ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Nguyệt T đều đã chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông L và bà T chỉ còn bị đơn Nguyễn Thị Thanh T và nguyên đơn Phan Thị TrA, không còn ai khác. Đối với di sản do ông L và bà T để lại, chị T thống nhất việc phân chia di sản như sau: Căn nhà cấp 4 một trệt hai lầu nằm trên thửa đất số 236 tờ bản đồ số 55 có diện tích theo đo đạc thực tế là 72m² thể hiện từ các mốc M1-M2-M3-M4 theo sơ đồ đặc số TĐ 96-2016 của của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung ngày 09/8/2016 (Nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVI) do ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Nguyệt T đứng tên quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn sẽ do chị T hưởng. Thửa đất số 103 tờ bản đồ số 58 đo đạc thực tế có diện tích là 158,7m² được thể hiện từ các mốc M1-M2-M3-M4 theo sơ đồ đo đạc số TĐ 97-2016 của của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung ngày 09/8/2016 (Nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVI) do bà Nguyễn Thị Nguyệt T đứng tên quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất ở nông thôn là 140m² và đất ở 18,7m² cây lâu năm là tài sản cá nhân của bà T sẽ do Phan Thị TrA hưởng. Không ai phải trả giá trị cho ai.

Đối với nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, cụ thể là khoản nợ 100.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Huỳnh Lê Hồng L, là khoản vay trước đây của ông Nguyễn Văn L, chị T đồng ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên và không yêu cầu nguyên đơn Phan Thị TrA cùng chịu trách nhiệm. Đối với các khoản nợ khác do ông Nguyễn Văn L trình bày trước đây, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Chị T thống nhất sử dụng kết quả đo đạc ngày 09/8/2016 và kết quả định giá ngày 15/7/2016 làm căn cứ giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc và định giá lại tài sản.

Hiện hai bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của di sản chia thừa kế Thanh T đang giữ và không có thể chấp ở đâu.

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, bà Huỳnh Lê Hồng L trình bày: Ngày 25/6/2012, ông Nguyễn Văn L vay của bà số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 21/6/2014, ông L đã thanh toán được 100.000.000 đồng, số tiền vay còn lại là 100.000.000 đồng. Nay ông Nguyễn Văn L đã chết, bà Huỳnh Lê Hồng L yêu cầu người thừa kế của ông L là bà Nguyễn Thị Thanh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền vốn vay còn lại là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà Huỳnh Lê Hồng L không yêu cầu bà Phan Thị TrA cùng chịu trách nhiệm thanh toán khoản tiền nêu trên.

- Theo hồ sơ vụ án và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho bà Ngô Thị S - hàng thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị N là ông Mai Hùng P trình bày: Trước đây, vào năm 2017, bà có khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L và hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Nguyệt T có

trách nhiệm thanh toán cho bà 100 chỉ vàng 24 kara. Tuy nhiên, sau đó vào các ngày 16/4/2018 và 02/5/2018, bà Ngô Thị N đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, không còn yêu cầu Tòa án giải quyết đối với 100 chỉ vàng 24 kara nêu trên. Đồng thời, bà Ngô Thị S xác định không có tranh chấp, không có yêu cầu gì đối với di sản do ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Nguyệt T để lại, cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nội dung này trong vụ án.

- Đối với bà Nguyễn Thị C, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị N, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị C không tham gia tố tụng, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện trước đây của bà Ngô Thị N và cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với di sản của ông L và bà T để lại.

- Đối với Công ty xây lắp và vật liệu xây dựng tỉnh Đ có văn bản ý kiến ngày 22/12/2025 đối với phần nợ ông L và bà T trước đây nợ Công ty đã trả xong cho nên trong vụ án này Công ty không còn quyền nghĩa vụ gì, không tranh chấp hay yêu cầu gì khác. Xin được vắng mặt và yêu cầu không tiến hành triệu tập nữa.

- Đối với Nguyễn Thị Cẩm V: Trong hồ sơ có ý kiến là không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T (cô H); ông Phạm Đức T (Kim N); ông Phạm Hữu N (Nghĩa T); bà Nguyễn Ngọc H (Hạnh D); Sạp Năm V (H); Sạp Năm V (T) và bà Thúy L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng đều vắng mặt không có yêu cầu hay tranh chấp.

Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 tham gia phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên quá trình giải quyết còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về nội dung: Căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 623, 649, 650 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của Phan Thị TrA và Nguyễn Thị Thanh T: Phan Thị TrA được sử dụng thửa đất 103, tờ bản đồ số 58 và cây trồng có trên đất; Nguyễn Thị Thanh T được sử dụng thửa đất số 236 tờ bản đồ số 55 và căn nhà cấp 4 một trệt hai lầu có trên đất.

+ Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Lê Hồng L yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại đối với khoản nợ của ông L là 100.000.000 đồng. Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Lê Hồng L 100.000.000 đồng trong phạm vi di sản được hưởng của ông Nguyễn Văn L.

+ Đình chỉ toàn bộ yêu cầu của bà Ngô Thị N đối với 100 chỉ vàng 24 kara yêu cầu ông L và hàng thừa kế ông L.

Về án phí và chi phí khác: Đề nghị Tòa án tuyên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Cẩm V; Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng tỉnh Đ; bà Nguyễn Thị T (cô H); ông Phạm Đức T (Kim N); ông Phạm Hữu N (Nghĩa T); bà Nguyễn Ngọc H (Hạnh D); Sạp Năm V (H); Sạp Năm V (T) và bà Thúy L Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các quyết định đưa vụ án ra xét xử nhiều lần nhưng những người này không đến tham gia và không có ý kiến phản bác hay yêu cầu gì trong vụ án. Tuy nhiên đối với bà Nguyễn Thị Cẩm V Công ty xây lắp có ý kiến trong hồ sơ. Xét thấy việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng cho quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Chia di sản thừa kế và nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo quy định tại các Điều 623, 649, 650 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối tượng xin chia di sản thừa kế là bất động sản có địa chỉ tại xã L, tỉnh Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Khu vực 7 theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị Nguyệt T chết năm 2012, không có để lại di chúc. Ngày 15/12/2015 khi ông L còn sống Phan Thị TrA có đơn khởi kiện yêu cầu ông L, Nguyễn Thị Thanh T chia di sản của bà T là còn trong thời hiệu khởi kiện. Ngày 29/7/2019 ông Nguyễn Văn L chết đến ngày 28/11/2025 chị TrA có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Nguyễn Thị Thanh T chia di sản thừa kế, như vậy vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện là 30 năm theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án:

- Về hàng thừa kế và di sản thừa kế

Bà Nguyễn Thị Nguyệt T và ông Nguyễn Văn L đều đã chết. Căn cứ Điều 649 và Điều 650 của Bộ luật dân sự năm 2015, di sản của người chết được chia theo pháp luật. Xét thấy, cha mẹ của bà T là ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Nguyệt A đều đã chết, cha mẹ ông L là ông Nguyễn Văn T, Ngô Thị N đều đã chết bà T có hai người con chung là Phan Thị TrA và Nguyễn Thị Thanh T; ông Nguyễn Văn L có một người con là Nguyễn Thị Thanh T. Ngoài ra, không còn ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Do đó, xác định Phan Thị TrA và Nguyễn Thị Thanh T là người thừa kế hợp pháp đối với di sản của bà T và Nguyễn Thị Thanh T là người thừa kế hợp pháp đối với di sản của ông L.

Di sản để lại bao gồm: Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 55, diện tích đo đạc thực tế là 72m² cùng căn nhà cấp 4 một trệt hai lầu trên đất, đứng tên ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Nguyệt T. Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 58, diện tích đo đạc thực tế là 158,7m², đứng tên bà Nguyễn Thị Nguyệt T, là tài sản riêng của bà T.

- Về việc phân chia di sản thừa kế

Xét thấy, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Phan Thị TrA và Nguyễn Thị Thanh T đã tự nguyện thỏa thuận việc phân chia di sản thừa kế, cụ thể: Phan Thị TrA được hưởng thửa đất số 103, tờ bản đồ số 58; Nguyễn Thị Thanh T được hưởng thửa đất số 236, tờ bản đồ số 55 cùng căn nhà cấp 4 một trệt hai lầu có trên đất. Các bên thống nhất không yêu cầu thanh toán chênh lệch giá trị tài sản. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

Đối với khoản nợ 100.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn L với bà Huỳnh Lê Hồng L, các bên đều thừa nhận đây là khoản vay có thật, ông L đã thanh toán được một phần, hiện còn nợ lại 100.000.000 đồng. Bà L chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán và không yêu cầu Phan Thị TrA cùng chịu trách nhiệm. Bà T cũng tự nguyện nhận nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ này trong phạm vi di sản được hưởng. Căn cứ Điều 463, 466 và Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của bà L là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- Đối với các khoản nợ và yêu cầu khác: Đối với các khoản nợ khác do ông L trình bày trước đây, các đương sự đều không yêu cầu giải quyết và cũng không có tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu có tranh chấp khởi kiện sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện trước đây của bà Ngô Thị N về 100 chỉ vàng 24 kra, do bà N đã rút toàn bộ yêu cầu và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí, chi phí thẩm định, định giá: Do các đương sự thỏa thuận được việc phân chia di sản; nghĩa vụ tài sản được giải quyết theo quy định pháp luật, nên án phí, các chi phí tố tụng khác căn cứ vào Điều 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và áp dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bên phải chịu chi phí thẩm định và phần án phí tương ứng với phần di sản được hưởng. Đối phần án phí của bà Ngô Thị N đã rút đơn đã đình chỉ thì hoàn trả lại theo quy định.

Đối với chi phí thẩm định, định giá. Tổng chi phí là 2.978.000 đồng Phan Thị TrA đã tạm nộp và chi xong, chi phí này TrA tự nguyện chịu, không yêu cầu Nguyễn Thị Thanh T trả lại.

[6] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 là có sở nên thống nhất lời đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, 166, Điều 228, 244 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 584, 623, 630, 634, 635, 649, 650, 651, 659, 660; 463, 466 và Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 của Bộ luật dân sự năm 2015 khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và áp dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của Phan Thị TrA và Nguyễn Thị Thanh T về chia di sản thừa kế cụ thể:

Phan Thị TrA được hưởng thừa đất số 103 tờ bản đồ số 58 đo đạc thực tế có diện tích là 158,7m² được thể hiện từ các mốc M1-M2-M3-M4 theo sơ đồ đo đạc số TĐ 97-2016 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung ngày 09/8/2016 (Nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVI) do bà Nguyễn Thị Nguyệt T đứng tên quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất ở nông thôn là 140m² và đất ở 18,7m² cây lâu năm đất tọa lạc tại xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

Nguyễn Thị Thanh T được hưởng thừa đất số 236 tờ bản đồ số 55 có diện tích theo đo đạc thực tế là 72m² và căn nhà cấp 4 một trệt 2 lầu có trên đất được thể hiện từ các mốc M1-M2-M3-M4 theo sơ đồ đạc số TĐ 96-2016 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung ngày 09/8/2016 (Nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVI) do ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị Nguyệt T đứng tên quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại xã L, tỉnh Đ.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Lê Hồng L yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại đối với khoản nợ của ông L là 100.000.000 đồng. Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Lê Hồng L 100.000.000 đồng trong phạm vi di sản được hưởng của ông Nguyễn Văn L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

3. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu của bà Ngô Thị N đối với 100 chỉ vàng 24 kra yêu cầu ông L và hàng thừa kế ông L.

(Kèm theo bản án là sơ đồ đo đạc ngày 09/8/2016, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2016, biên bản định giá ngày 15/7/2016).

4. Về án phí và chi phí đo đạc, định giá:

- Về án phí:

Bà Phan Thị TrA phải chịu án phí trên giá trị tài sản được hưởng là 7.219.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm mười chín nghìn đồng), được khấu trừ 10.100.000 đồng theo biên lai số 000737, ngày 29/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7- Đồng Tháp), bà Phan Thị TrA được nhận lại 2.881.000 đồng (Hai triệu, tám trăm tám mươi một nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí trên giá trị tài sản được hưởng là 40.354.710 đồng (Bốn mươi triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm mười đồng)

Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Hồng L đã tạm nộp là 4.669.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số 15362 ngày 24/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp).

Hoàn trả lại cho hàng thừa kế của bà Ngô Thị N là bà Ngô Thị S bà Ngô Thị C tiền tạm ứng án phí là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) đã tạm ứng theo biên lai số 06580, ngày 18/01/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí thẩm định, định giá: Phan TrA tự nguyện chịu chi phí thẩm định đo đạc, định giá là 2.978.000 đồng. Chi phí này TrA đã nộp và chi xong.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/01/2026). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/01/2026 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa Lư